

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 5 năm 2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

**NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Nhật Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Trinh

Ông Đỗ Văn Nhã.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Quý Võ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh: Ông Trần Nam Thông
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị S - sinh năm 1987;

Trú tại: Thôn Q1, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (*Có mặt*).

- Bị đơn: Anh Trần Quốc C - sinh năm 1987;

Trú tại: Thôn Q1, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2021 (nộp Tòa án ngày 01/12/2021), biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2022, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Quốc C tự nguyện yêu thương, về sống chung với nhau từ năm 2004, đến năm 2010 thì mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49 quyển số I/2009/2010 ngày 31/5/2010.

Thời gian đầu chung sống giữa vợ chồng có hạnh phúc nhưng càng về sau thì giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, giữa chị và nhà chồng không hợp nhau, thay vì đồng cảm với vợ thì anh C nghe lời gia đình, không tin tưởng chị và có nhiều lần đã nói những lời làm tổn thương chị, nhiều lần như vậy làm cho tình cảm của chị dành cho anh C phai nhạt dần và đến nay đã không còn tình cảm gì với anh C, chị đã bỏ ra khỏi nhà sống từ tháng 10/2021 đến nay nên cả hai đã không còn chung sống với nhau, hiện tại cũng không còn quan tâm nhau về mọi mặt. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh C đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho chị với anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 (ba) con chung: Trần Văn V - sinh ngày 24/12/2004, Trần Bảo Y - sinh ngày 15/12/2006 và Trần Quốc K - sinh ngày 21/11/2009. Kể từ khi vợ chồng không còn chung sống thì các con chung đều đang ở cùng chị do đó nên khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 (ba) con chung cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi; chị S không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị S xác định không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2022, biên bản hòa giải ngày 01 tháng 3 năm 2022, bị đơn anh Trần Quốc C trình bày:

Anh thống nhất với phần trình bày của chị S về thời gian kết hôn cũng như về quan hệ hôn nhân. Anh thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng anh chị hiện nay đang có nhiều mâu thuẫn, nhiều khi cả hai không hiểu nhau nên thường có cãi vã, sau khi chị S đi khỏi nhà thì anh có năn nỉ, tìm cách hàn gắn nhưng không được, chị S vẫn một mực muốn ly hôn, nay chị S yêu cầu ly hôn, anh vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn, anh xin được hòa giải về sống đoàn tụ cùng chị S.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 (ba) con chung là Trần Văn V - sinh ngày 24/12/2004, Trần Bảo Y - sinh ngày 15/12/2006 và Trần Quốc K - sinh ngày 21/11/2009. Trường hợp nếu anh chị phải ly hôn, anh đồng ý giao cho chị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 (ba) con chung cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi; anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh C xác định không có.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để anh C thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa phát biểu:

1. *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. *Về nội dung*: Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quốc C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp giữa chị S với anh C là “*Tranh chấp về ly hôn*”. Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa là Tòa án nơi mà anh C cư trú theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Tại phiên tòa anh Trần Quốc C dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Quốc C.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Lê Thị S và anh Trần Quốc C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49 quyển số I/2009/2010 ngày 31/5/2010. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh Quốc được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc C. Về nguyên nhân gây ra mâu thuẫn giữa chị S và anh C, theo chị S xác định: Do do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù chị S cũng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng không thành công. Từ tháng 10/2021 cho đến nay, chị S và anh C đã sống ly

thân, hiện tại giữa cả hai đã không còn quan hệ với nhau về mọi mặt, từ chuyện tình cảm đến kinh tế.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Quốc C vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2022 và biên bản hòa giải ngày 01/3/2022 thể hiện tuy anh Trần Quốc C không đồng ý ly hôn do anh còn yêu thương chị S nhưng anh cũng thừa nhận quan hệ giữa vợ chồng anh chị đã có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, giữa anh chị đã không còn chung sống với anh, anh đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Mặt khác, dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để giải quyết mâu thuẫn giữa anh chị nhưng anh C vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ anh C đã bỏ mặc, không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân giữa anh và chị S nữa.

[2.3] Qua xác minh ngày 23/02/2022, Ủy ban nhân dân xã T xác nhận giữa chị Lê Thị S và anh Trần Quốc C trong cuộc sống chung thường hay cãi vã, hiện tại cả hai đã không còn sống chung với nhau nữa.

[2.4] Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Lê Thị S và anh Trần Quốc C đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị S đối với anh Trần Quốc C.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị S và anh Trần Quốc C có 03 (ba) con chung là Trần Văn V - sinh ngày 24/12/2004, Trần Bảo Y - sinh ngày 15/12/2006 và Trần Quốc K - sinh ngày 21/11/2009. Chị S trình bày kể từ khi vợ chồng không sống chung nữa thì chị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 (ba) con chung. Do đó, nay chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 (ba) con chung cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi; tôi không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản hòa giải ngày 01/3/2022, anh C cũng đồng ý giao cho chị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 (ba) cháu cho khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi; anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi anh C và chị S không còn sống chung, cả 03 (ba) con chung: Trần Văn V - sinh ngày 24/12/2004, Trần Bảo Y - sinh ngày 15/12/2006 và Trần Quốc K - sinh ngày 21/11/2009 đã sinh sống cùng với chị S; cuộc sống của các bên đã đi vào ổn định. Mặt khác, tại các biên bản lấy lời khai của các con chung thể hiện: Các cháu Trần Văn V, Trần Bảo Y và Trần Quốc K đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ.

[3.2] Để tạo điều kiện phát triển toàn diện và theo nguyện vọng của các con chung, xét thấy cần tiếp tục giao cả 03 (ba) con chung là Trần Văn V - sinh ngày 24/12/2004, Trần Bảo Y - sinh ngày 15/12/2006 và Trần Quốc K - sinh ngày 21/11/2009 cho chị Lê Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị S xác định vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị S phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị S;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị S được ly hôn với bị đơn anh Trần Quốc C.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cả 03 (ba) con chung: Trần Văn V - sinh ngày 24/12/2004, Trần Bảo Y - sinh ngày 15/12/2006 và Trần Quốc K - sinh ngày 21/11/2009 cho chị Lê Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi; chị S không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị S, anh C có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003265 ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; chị S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vi Nhật Hoàng